

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**



## CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch
Ông Đỗ Dương Quy	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Đỗ Dương Quy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên
Ông Vũ Quang Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Trương Vĩnh Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Vĩnh Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Lệ Hằng	Phó Tổng Giám đốc

#### Ban kiểm soát

Bà Đào Thị Hạnh	Trưởng ban
Ông Lưu Việt Bắc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Bà Phùng Ngọc Dung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Bà Đỗ Thị Hào	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Bà Lê Thị Nga	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Trương Vĩnh Hùng - Tổng Giám đốc.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trương Vinh Hùng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Số: 033114/2023/BCKT-iCPA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2023, từ trang 6 đến trang 35 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Hàng không chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP  
(TIẾP THEO)**

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại ngày 30 tháng 03 năm 2022.



**Nguyễn Hoàng Giang**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0997-2021-072-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**Hoàng Văn Phúc**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3362-2020-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.304.053.088.730</b>	<b>1.196.019.266.447</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>506.966.531.080</b>	<b>573.058.487.870</b>
1. Tiền	111		123.129.531.385	158.040.836.277
2. Các khoản tương đương tiền	112		383.836.999.695	415.017.651.593
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>366.418.629.636</b>	<b>32.686.231.267</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		6.077.100	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.12a	366.412.552.536	32.686.231.267
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>377.542.970.455</b>	<b>576.227.654.008</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	115.259.661.059	218.799.115.731
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	12.051.818.479	23.011.607.251
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	35.300.000.000	32.300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	215.057.125.073	302.546.449.794
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(125.634.156)	(429.518.768)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>32.714.609.644</b>	<b>2.336.230.444</b>
1. Hàng tồn kho	141		32.714.609.644	2.336.230.444
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.410.347.915</b>	<b>11.710.662.858</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	6.445.007.468	6.161.643.051
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.293.567.678	5.193.959.190
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14a	671.772.769	355.060.617
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.398.783.518.086</b>	<b>1.363.358.523.863</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.629.792.000</b>	<b>1.663.100.760</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	754.988.320
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	7.629.792.000	908.112.440
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>664.417.379.358</b>	<b>653.098.824.086</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	654.008.332.432	639.580.804.917
- Nguyên giá	222		1.156.003.741.647	1.063.920.870.665
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(501.995.409.215)	(424.340.065.748)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	10.409.046.926	13.518.019.169
- Nguyên giá	228		19.512.615.844	19.297.606.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.103.568.918)	(5.779.587.675)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>202.816.688.289</b>	<b>180.471.687.194</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	202.816.688.289	180.471.687.194
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.12</b>	<b>297.745.179.240</b>	<b>279.363.334.043</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		257.655.179.240	219.273.334.043
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		40.090.000.000	40.090.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	20.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>226.174.479.199</b>	<b>248.761.577.780</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	82.119.249.117	82.423.158.436
2. Lợi thế thương mại	269	V.11	144.055.230.082	166.338.419.344
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.702.836.606.816</b>	<b>2.559.377.790.310</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>211.177.541.670</b>	<b>278.650.261.430</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>197.990.795.824</b>	<b>265.988.512.586</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	69.495.306.940	88.803.063.229
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		466.851.410	102.198.382
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14b	19.528.579.288	20.177.630.876
4. Phải trả người lao động	314		76.787.358.538	101.951.988.942
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5.156.704.896	5.693.933.477
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		776.531.578	973.266.122
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	15.058.770.828	23.865.174.513
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	161.000.004	21.067.267.819
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.559.692.342	3.353.989.226
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.186.745.846</b>	<b>12.661.748.844</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	13.119.662.531	11.378.665.521
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	67.083.315	1.283.083.323
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.491.659.065.146</b>	<b>2.280.727.528.880</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>2.491.659.065.146</b>	<b>2.280.727.528.880</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.002.476.860.000	907.308.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		164.537.981.018	162.318.881.018
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		219.527.000.000	154.385.000.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.617.064.303	11.617.064.303
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.656.422.563	1.656.422.563
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		494.613.142.126	434.112.764.927
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		214.987.748.156	111.303.128.555
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		279.625.393.970	322.809.636.372
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		597.230.595.136	609.328.856.069
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.702.836.606.816</b>	<b>2.559.377.790.310</b>

Nguyễn Đình Lợi  
Người lập biểu

Ngô Quang Huy  
Kế toán trưởng



Trương Vĩnh Hùng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 31 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>1.526.657.078.992</b>	<b>1.550.071.849.873</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	516.102.474
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>1.526.657.078.992</b>	<b>1.549.555.747.399</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	825.400.341.208	803.395.734.854
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>701.256.737.784</b>	<b>746.160.012.545</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	23.404.729.267	26.008.033.772
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	734.781.017	3.266.986.018
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		579.431.186	3.157.600.086
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		38.381.845.197	52.697.751.943
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	23.888.242.768	11.554.276.269
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	184.301.698.713	193.290.288.666
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>554.118.589.750</b>	<b>616.754.247.307</b>
12. Thu nhập khác	31		1.785.482.770	691.257.977
13. Chi phí khác	32		2.536.107.490	648.008.840
14. Lợi nhuận khác	40		(750.624.720)	43.249.137
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>553.367.965.030</b>	<b>616.797.496.444</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	56.524.202.468	55.374.610.302
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>496.843.762.562</b>	<b>561.422.886.142</b>
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		279.625.393.970	322.809.636.372
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		217.218.368.592	238.613.249.770
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.7</b>	<b>2.769</b>	<b>3.204</b>
<b>20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.7</b>	<b>2.769</b>	<b>3.204</b>

Nguyễn Đình Lợi  
Người lập biểu

Ngô Quang Huy  
Kế toán trưởng



Trương Vinh Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2023



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>553.367.965.030</b>	<b>616.797.496.444</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	83.961.392.548	92.929.537.218
Các khoản dự phòng	03	(303.884.612)	122.719.648
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(508.005.276)	104.944.326
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.585.359.174)	(78.855.785.715)
Chi phí lãi vay	06	579.431.186	3.157.600.086
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>614.511.539.702</b>	<b>634.256.512.007</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	106.996.207.968	(115.612.792.552)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(30.378.379.200)	(782.511.489)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(28.205.902.841)	9.612.917.328
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	20.544.902	(1.256.765.900)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	(6.077.100)	90.504
Tiền lãi vay đã trả	14	(579.431.186)	(5.777.359.885)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(56.240.291.199)	(52.718.153.674)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.219.800.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(12.534.631.967)	(7.373.462.776)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>593.583.579.079</b>	<b>461.568.273.563</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(79.135.720.632)	(68.977.659.185)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.365.759.092	2.079.862.410
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(413.780.688.182)	(121.623.187.511)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	97.054.366.913	116.485.557.723
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	11.704.172.347
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.030.898.488	12.867.808.579
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(372.465.384.321)</b>	<b>(47.463.445.637)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****(Theo phương pháp gián tiếp)****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	6.657.300.000	16.613.800.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	25.735.083.948
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.122.267.823)	(63.902.797.095)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(272.253.189.001)	(139.718.529.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(287.718.156.824)</b>	<b>(161.272.442.647)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(66.599.962.066)</b>	<b>252.832.385.279</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>573.058.487.870</b>	<b>320.331.046.917</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	508.005.276	(104.944.326)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>506.966.531.080</b>	<b>573.058.487.870</b>



Nguyễn Đình Lợi  
Người lập biểu



Ngô Quang Huy  
Kế toán trưởng



Trương Vĩnh Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,  
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,  
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo  
Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (tên cũ là Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Hàng không, tên giao dịch quốc tế là Aviation Logistics Joint Stock Company, tên viết tắt là ALS) (gọi tắt là "Công ty") là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102355611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 8 năm 2007. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24 ngày 28/06/2022.

Công ty có trụ sở đăng ký kinh doanh tại Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần nhất của Công ty là: 1.002.476.860.000 đồng (Một nghìn không trăm lẻ hai tỷ, bốn trăm bảy sáu triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cho thuê kho bãi và dịch vụ logistics hàng không.

**3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Chi tiết: Dịch vụ vận tải mặt đất;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan vận tải; Chi tiết Dịch vụ làm thủ tục Hải quan; Dịch vụ kiểm tra cân hàng; Dịch vụ hỗ trợ vận chuyển (đóng gói bao bì, giao nhận tại nhà, dịch vụ vận chuyển mặt đất); Dịch vụ nhận, gửi, chuyển phát hàng hóa; Đại lý vận tải; Dịch vụ Logistics;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải Hàng không; Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Chi tiết: Hoạt động kho bãi (dịch vụ đại lý kho vận, dịch vụ kho ngoại quan);
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Chi tiết: Hoạt động của bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy; và
- Giáo dục nghề nghiệp.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,  
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,  
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo  
Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Công ty con:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	Bắc Ninh	55,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hoá kéo dài tại KCN Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
2	Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	Bắc Ninh	55,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hóa kéo dài tại KCN VSIP Bắc Ninh và khu vực phía Đông Hà Nội.
3	Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	Hà Nội	50,05%	Vận hành trực tiếp Nhà ga hàng hoá ALS.
4	Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	Hà Nội	100,00%	Cung cấp các dịch vụ trọng yếu như phục vụ hàng hóa hàng không; kho vận; phục vụ hàng hóa hàng không tại kho hàng không kéo dài.
5	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	Hà Nội	100,00%	Thực hiện các hoạt động đầu tư, cung cấp các giải pháp, cơ sở hạ tầng Logistics tại Việt Nam.
6	Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	Bắc Ninh	51,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hoá kéo dài tại Bắc Ninh.
7	Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	Bắc Ninh	50,10%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khách liên quan đến vận tải.
8	Công ty TNHH Giải pháp TNG	Hà Nội	100,00%	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	Hà Nội	27,00%	Vận tải, cho thuê kho bãi, văn phòng.
2	Công ty Cổ phần ALS SDS	Hà Nội	48,00%	Dịch vụ Logistics giao nhận, vận tải.

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**7. Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.235 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.263 người).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm). Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày hợp nhất như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện, vận tải	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định khác	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình tại Công ty là phần mềm máy tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	03 - 08

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm xe ô tô,... và tiền thuê đất được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí sản xuất kinh doanh khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Doanh nghiệp và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được tính và ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,  
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,  
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo  
Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	15.207.595.698	12.568.035.402
Tiền gửi ngân hàng	107.921.935.687	145.472.800.875
Các khoản tương đương tiền (i)	383.836.999.695	415.017.651.593
<b>Cộng</b>	<b>506.966.531.080</b>	<b>573.058.487.870</b>

- (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,3% - 6,0%/năm.

**2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Samsung SDS GSCL Việt Nam	15.644.707.370	26.237.261.228
Công ty Cổ phần ALS SDS	11.234.457.666	11.219.260.539
China Airlines Limited	3.327.474.288	9.459.124.713
Công ty TNHH SAMSUNG SDS Việt Nam	3.418.927.549	5.216.283.806
Công ty CP giao nhận hàng hóa NASCO	3.543.371.026	3.404.688.691
Các khách hàng khác	78.090.723.160	163.262.496.754
<b>Cộng</b>	<b>115.259.661.059</b>	<b>218.799.115.731</b>

**Trong đó: Phải thu khách hàng là bên liên quan**  
(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1 - Bên liên quan)

**12.078.778.170**      **12.064.614.322**

**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	3.058.347.100	2.199.331.000
Công ty CP TM & XL Điện Tuấn Minh	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Cơ khí Xây dựng và Thương mại Nội Bài	1.701.694.905	3.158.970.217
Trả trước cho người bán khác	6.291.776.474	16.653.306.034
<b>Cộng</b>	<b>12.051.818.479</b>	<b>23.011.607.251</b>

**4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Long Thành	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Vinh Kiệt	12.300.000.000	12.300.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	3.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>35.300.000.000</b>	<b>32.300.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,  
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,  
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo  
Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Tạm ứng	106.655.199.238	84.019.978.609
Ký cược, ký quỹ	283.643.600	198.483.600
Các loại bảo hiểm	-	32.247.278
Phải thu lãi dự thu tiền gửi, tiền cho vay	1.568.024.593	930.122.264
Phải thu khác	106.550.257.642	217.365.618.043
<i>Trong đó:</i>		
- Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ví Yển	-	71.975.346.892
- Phải thu về hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	33.646.495.000	31.546.495.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán phố Wall	-	18.304.046.831
- Phải thu ngắn hạn khác	72.903.762.642	95.539.729.320
<b>Cộng</b>	<b>215.057.125.073</b>	<b>302.546.449.794</b>
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>		
Ký cược, ký quỹ	922.792.000	903.112.440
Phải thu dài hạn khác	6.707.000.000	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.629.792.000</b>	<b>908.112.440</b>
<b>Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1 - Bên liên quan)</i>	<b>33.646.495.000</b>	<b>31.546.495.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài  
 xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****6. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.096.701.598	-	2.336.230.444	-
Công cụ, dụng cụ	1.181.168.408	-	-	-
Hàng hoá	295.324.041	-	-	-
Hàng hóa bất động sản (*)	30.141.415.597	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>32.714.609.644</b>	<b>-</b>	<b>2.336.230.444</b>	<b>-</b>

(\*) Là các căn hộ tại Dự án Xây dựng Khu nhà ở, bãi đỗ xe, trồng cây xanh tại Khu Hồ Miếu, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội.

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.590.243.175	827.935.391
Chi phí bảo hiểm	2.244.395.628	1.488.352.210
Chi phí trả trước khác	1.610.368.665	3.845.355.450
<b>Cộng</b>	<b>6.445.007.468</b>	<b>6.161.643.051</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí thuê đất	70.270.599.115	72.286.368.476
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.416.295.520	4.603.016.967
Chi phí trả trước khác	8.432.354.482	5.533.772.993
<b>Cộng</b>	<b>82.119.249.117</b>	<b>82.423.158.436</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài  
 xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Súc vật, vườn cây lâu năm VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>630.060.763.092</b>	<b>219.640.517.978</b>	<b>152.935.035.050</b>	<b>52.945.297.732</b>	<b>8.278.951.813</b>	<b>60.305.000</b>	<b>1.063.920.870.665</b>
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn	53.995.567.941	10.982.926.770	-	170.100.000	-	-	65.148.594.711
Mua trong năm	-	613.651.631	19.954.382.473	1.226.414.490	8.473.686.796	-	30.268.135.390
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	1.097.409.454	-	-	-	1.097.409.454
Thanh lý tài sản cố định	-	-	(4.335.632.209)	(32.636.364)	(63.000.000)	-	(4.431.268.573)
Phân loại lại	-	-	-	-	60.305.000	(60.305.000)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>684.056.331.033</b>	<b>231.237.096.379</b>	<b>169.651.194.768</b>	<b>54.309.175.858</b>	<b>16.749.943.609</b>	<b>-</b>	<b>1.156.003.741.647</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>173.357.154.463</b>	<b>102.814.932.788</b>	<b>108.338.064.509</b>	<b>32.194.768.393</b>	<b>7.585.519.606</b>	<b>49.625.989</b>	<b>424.340.065.748</b>
Khấu hao trong năm	36.553.262.848	21.992.439.720	15.233.010.918	5.910.745.775	947.952.044	-	80.637.411.305
Thanh lý tài sản cố định	-	-	(2.886.431.474)	(32.636.364)	(63.000.000)	-	(2.982.067.838)
Phân loại lại	(54.145.856)	331.372.119	-	-	(227.600.274)	(49.625.989)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>209.856.271.455</b>	<b>125.138.744.627</b>	<b>120.684.643.953</b>	<b>38.072.877.804</b>	<b>8.242.871.376</b>	<b>-</b>	<b>501.995.409.215</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>456.703.608.629</b>	<b>116.825.585.190</b>	<b>44.596.970.541</b>	<b>20.750.529.339</b>	<b>693.432.207</b>	<b>10.679.011</b>	<b>639.580.804.917</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>474.200.059.578</b>	<b>106.098.351.752</b>	<b>48.966.550.815</b>	<b>16.236.298.054</b>	<b>8.507.072.233</b>	<b>-</b>	<b>654.008.332.432</b>

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 123.689.061.205 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 46.333.814.373 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,  
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,  
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo  
Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	18.957.169.492	340.437.352	19.297.606.844
Mua trong năm	215.009.000	-	215.009.000
Phân loại lại	340.437.352	(340.437.352)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>19.512.615.844</b>	<b>-</b>	<b>19.512.615.844</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	5.530.400.317	249.187.358	5.779.587.675
Khấu hao trong năm	3.323.981.243	-	3.323.981.243
Phân loại lại	249.187.358	(249.187.358)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.103.568.918</b>	<b>-</b>	<b>9.103.568.918</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	13.426.769.175	91.249.994	13.518.019.169
Tại ngày cuối năm	10.409.046.926	-	10.409.046.926

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 461.677.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 409.964.852 đồng).

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Mua sắm</b>	-	-
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>202.816.688.289</b>	<b>180.471.687.194</b>
Xây dựng ga hàng hóa tại Nội Bài- Dự án 2	91.363.800.056	81.247.397.701
Dây chuyền thiết bị kiểm tra hàng hóa	28.905.615.219	-
Dự án Cụm công nghiệp Ngô Quyền	2.273.547.907	1.548.599.018
Dự án Khu kinh doanh thương mại tổng hợp, kho, bãi tập kết, sang chuyển hàng hóa và các dịch vụ Logistics	42.073.552.454	16.062.231.024
Dự án 4.3 ha	16.972.920.405	46.740.760.198
Dự án Đầu tư Xây dựng Cảng cạn (ICD) và Dịch vụ Hỗ trợ (Logistics) tại Thị xã Mỹ Hòa và Huyện Văn Lâm, Hưng Yên	8.341.348.485	8.341.348.485
Dự án khác	12.885.903.763	26.531.350.768
<b>Cộng</b>	<b>202.816.688.289</b>	<b>180.471.687.194</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,  
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,  
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo  
Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****11. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	Công ty Cổ phần Khang Việt Hà VND	Công ty TNHH Giải pháp TNG VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	200.612.011.061	19.899.044.112	2.320.837.437	222.831.892.610
Số dư cuối năm	<u>200.612.011.061</u>	<u>19.899.044.112</u>	<u>2.320.837.437</u>	<u>222.831.892.610</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	55.168.303.042	1.160.777.573	164.392.651	56.493.473.266
Phân bổ trong năm tại Công ty mẹ	20.061.201.106	1.989.904.411	-	22.051.105.517
Phân bổ trong năm tại Công ty con	-	-	232.083.745	232.083.745
Số dư cuối năm	<u>75.229.504.148</u>	<u>3.150.681.984</u>	<u>396.476.396</u>	<u>78.776.662.528</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	145.443.708.019	18.738.266.539	2.156.444.786	166.338.419.344
Tại ngày cuối năm	<u>125.382.506.913</u>	<u>16.748.362.128</u>	<u>1.924.361.041</u>	<u>144.055.230.082</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài  
 xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 1 năm	366.412.552.536	366.412.552.536	32.686.231.267	32.686.231.267
<b>Cộng</b>	<b>366.412.552.536</b>	<b>366.412.552.536</b>	<b>32.686.231.267</b>	<b>32.686.231.267</b>
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn</b>				
Trái phiếu	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị thuần theo PP VCSH	Giá gốc	Giá trị thuần theo PP VCSH
	VND	VND	VND	VND
<b>c. Đầu tư vào Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	97.200.000.000	63.658.338.636	97.200.000.000	81.434.466.651
Công ty Cổ phần ALS SDS	7.105.000.000	193.996.840.604	7.105.000.000	137.838.867.392
<b>Cộng</b>	<b>104.305.000.000</b>	<b>257.655.179.240</b>	<b>104.305.000.000</b>	<b>219.273.334.043</b>
	Số cuối năm			
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
<b>d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	3.703.722	40.090.000.000	95.556.027.600	-
<b>Cộng</b>		<b>40.090.000.000</b>	<b>95.556.027.600</b>	<b>-</b>
	Số đầu năm			
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
	3.703.722	40.090.000.000	109.259.799.000	-
		<b>40.090.000.000</b>	<b>109.259.799.000</b>	<b>-</b>

(\*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài  
 xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	5.987.755.806	5.987.755.806	14.141.134.255	14.141.134.255
Công ty CP Tập đoàn ASG - Chi nhánh Bắc Ninh	7.529.549.170	7.529.549.170	7.982.101.849	7.982.101.849
Công ty TNHH Hà Sơn	8.662.165.415	8.662.165.415	-	-
Các đối tượng khác	47.315.836.549	47.315.836.549	66.679.827.125	66.679.827.125
<b>Cộng</b>	<b>69.495.306.940</b>	<b>69.495.306.940</b>	<b>88.803.063.229</b>	<b>88.803.063.229</b>
<b>Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1 - Bên liên quan)</i>	<b>1.084.110.436</b>	<b>1.084.110.436</b>	<b>2.364.087.985</b>	<b>2.364.087.985</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
Thuế giá trị gia tăng	82.518.269	16.085.361.085	16.132.212.035	35.667.319
Thuế thu nhập doanh nghiệp	321.908.921	-	321.908.921	-
Thuế thu nhập cá nhân	108.618.870	3.623.416.966	3.732.035.836	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	158.726.709	277.892.910	118.294.422	318.325.197
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.068.101	-	1.068.101
<b>Cộng</b>	<b>671.772.769</b>	<b>19.987.739.062</b>	<b>20.304.451.214</b>	<b>355.060.617</b>
<b>b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.143.690.526	88.566.333.231	89.891.427.500	2.468.784.795
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.181.328.407	56.524.202.468	55.918.382.278	14.575.508.217
Thuế thu nhập cá nhân	3.203.560.355	24.167.142.902	24.068.080.079	3.104.497.532
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.646.071.548	3.646.071.548	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	307.930.772	336.771.104	28.840.332
<b>Cộng</b>	<b>19.528.579.288</b>	<b>173.211.680.921</b>	<b>173.860.732.509</b>	<b>20.177.630.876</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,  
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,  
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo  
Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dịch vụ hàng hóa đã nhận	85.290.000	2.256.622.454
Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài - ACV	693.376.833	38.585.887
Các khoản trích trước khác	4.378.038.063	3.398.725.136
<b>Cộng</b>	<b>5.156.704.896</b>	<b>5.693.933.477</b>
<b>Trong đó: Chi phí phải trả bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1 - Bên liên quan)</i>	<b>54.182.831</b>	-

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Kinh phí công đoàn	2.669.280.052	2.632.331.685
Các khoản bảo hiểm	210.518.413	116.523.111
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	882.523.499	332.169.500
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	780.320.000	1.450.269.624
Phải trả khác	10.516.128.864	19.333.880.593
<b>Cộng</b>	<b>15.058.770.828</b>	<b>23.865.174.513</b>
<b>b. Phải trả dài hạn khác</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.119.662.531	11.378.665.521
<b>Cộng</b>	<b>13.119.662.531</b>	<b>11.378.665.521</b>
<b>Trong đó: Phải trả khác là bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1 - Bên liên quan)</i>	<b>82.726.350</b>	<b>82.726.350</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài  
xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Công ty TNHH CJ Logistics Asia Pte	-	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
<b>Cộng</b>	-	-	-	<b>9.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>
<b>Cộng: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>161.000.004</b>	<b>161.000.004</b>			<b>12.067.267.819</b>	<b>12.067.267.819</b>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số V.18)</i>						
<b>Cộng Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>161.000.004</b>	<b>161.000.004</b>			<b>21.067.267.819</b>	<b>21.067.267.819</b>

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (i)	228.083.319	228.083.319	-	161.000.004	389.083.323	389.083.323
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Tiên Sơn	-	-	-	3.175.000.000	3.175.000.000	3.175.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bắc Ninh	-	-	-	9.786.267.819	9.786.267.819	9.786.267.819
<b>Cộng</b>	<b>228.083.319</b>	<b>228.083.319</b>	<b>-</b>	<b>13.122.267.823</b>	<b>13.350.351.142</b>	<b>13.350.351.142</b>
<b>Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>161.000.004</b>	<b>161.000.004</b>			<b>12.067.267.819</b>	<b>12.067.267.819</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	161.000.004	161.000.004			161.000.000	161.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Tiên Sơn	-	-			2.120.000.000	2.120.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bắc Ninh	-	-			9.786.267.819	9.786.267.819
<b>Cộng vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>67.083.315</b>	<b>67.083.315</b>			<b>1.283.083.323</b>	<b>1.283.083.323</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài  
 xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

- (i) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 19/2019-HĐCVĐAT/NHCT44-ALSI ngày 23/05/2019 giữa Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh, số tiền vay không quá 805.000.000 đồng. Lãi suất vay trong năm đầu tiên là 8,9%/năm, các năm còn lại được xác định và điều chỉnh theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để thanh toán các khoản chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Đầu tư mua xe ô tô Toyota Fortuner 2.7v 4x2AT, loại 7 chỗ, nhập khẩu nguyên chiếc từ Indonesia phục vụ cho công tác văn phòng và điều hành khác. Tài sản đảm bảo được quy định theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 24/2019/HĐBĐ/NHCT144-ALSI ngày 17/05/2019 là xe ô tô con mới Toyota Fortuner biển kiểm soát 30F-744.72. Giá trị tài sản đảm bảo được định giá là 1.150.000.000 đồng.

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày đầu năm trước</b>	<b>806.000.000.000</b>	<b>160.024.381.018</b>	-	<b>11.617.064.303</b>	<b>1.656.422.563</b>	<b>373.148.773.193</b>	<b>466.035.031.527</b>	<b>1.818.481.672.604</b>
Tăng vốn trong năm nay	101.308.540.000	2.294.500.000	154.385.000.000	-	-	(251.104.540.000)	-	6.883.500.000
+ Tăng vốn bằng tiền	4.589.000.000	2.294.500.000	-	-	-	-	-	6.883.500.000
+ Tăng vốn bằng cổ phiếu	96.719.540.000	-	154.385.000.000	-	-	(251.104.540.000)	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	322.809.636.372	238.613.249.770	561.422.886.142
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(128.939.850.000)	(128.939.850.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(1.341.418.775)	-	(1.341.418.775)
Phân phối tại các Công ty con	-	-	-	-	-	(8.883.657.114)	(6.440.458.345)	(15.324.115.459)
Tăng do góp vốn mới vào công ty con	-	-	-	-	-	-	39.920.000.000	39.920.000.000
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	-	-	(516.028.749)	140.883.117	(375.145.632)
<b>Tại ngày đầu năm nay</b>	<b>907.308.540.000</b>	<b>162.318.881.018</b>	<b>154.385.000.000</b>	<b>11.617.064.303</b>	<b>1.656.422.563</b>	<b>434.112.764.927</b>	<b>609.328.856.069</b>	<b>2.280.727.528.880</b>
Tăng vốn trong năm nay	95.168.320.000	2.219.100.000	65.142.000.000	-	-	(155.872.120.000)	-	6.657.300.000
+ Tăng vốn bằng tiền	4.438.200.000	2.219.100.000	-	-	-	-	-	6.657.300.000
+ Tăng vốn bằng cổ phiếu	90.730.120.000	-	65.142.000.000	-	-	(155.872.120.000)	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	279.625.393.970	217.218.368.592	496.843.762.562
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(50.123.843.000)	(222.679.700.000)	(272.803.543.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(3.000.000.000)	-	(3.000.000.000)
Phân phối tại các Công ty con	-	-	-	-	-	(10.114.947.253)	(6.625.387.830)	(16.740.335.083)
Tăng khác	-	-	-	-	-	(14.106.518)	(11.541.695)	(25.648.213)
<b>Tại ngày cuối năm nay</b>	<b>1.002.476.860.000</b>	<b>164.537.981.018</b>	<b>219.527.000.000</b>	<b>11.617.064.303</b>	<b>1.656.422.563</b>	<b>494.613.142.126</b>	<b>597.230.595.136</b>	<b>2.491.659.065.146</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,  
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,  
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo  
Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	100.176.380.000	91.069.440.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	56.014.840.000	50.922.590.000
Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay phía Nam	56.006.580.000	50.915.080.000
Các cổ đông khác	790.279.060.000	714.401.430.000
<b>Cộng</b>	<b>1.002.476.860.000</b>	<b>907.308.540.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.247.686	90.730.854
- Cổ phiếu phổ thông	100.247.686	90.730.854
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.247.686	90.730.854
- Cổ phiếu phổ thông	100.247.686	90.730.854
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.526.657.078.992</b>	<b>1.550.071.849.873</b>
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.526.657.078.992	1.550.071.849.873
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>516.102.474</b>
Giảm giá hàng bán		516.102.474
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.526.657.078.992</b>	<b>1.549.555.747.399</b>
<b>Trong đó: Doanh thu với bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1 - Bên liên quan)</i>	<b>108.266.417.577</b>	<b>73.198.077.380</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	825.400.341.208	803.395.734.854
<b>Cộng</b>	<b>825.400.341.208</b>	<b>803.395.734.854</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,  
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,  
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo  
Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.396.129.585	13.738.509.751
Lãi đầu tư trái phiếu	272.671.232	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	80.686.747	-
Lãi từ chuyển nhượng ủy thác đầu tư	-	11.894.729.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	655.241.703	374.794.521
<b>Cộng</b>	<b>23.404.729.267</b>	<b>26.008.033.772</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	579.431.186	3.157.600.086
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	104.944.326
Chi phí tài chính khác	155.349.831	4.441.606
<b>Cộng</b>	<b>734.781.017</b>	<b>3.266.986.018</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí bán hàng khác	23.888.242.768	11.554.276.269
<b>Cộng</b>	<b>23.888.242.768</b>	<b>11.554.276.269</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.436.706.392	597.581.300
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.016.664.787	1.799.538.507
Chi phí nhân viên quản lý	87.794.778.465	80.868.051.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định và hao mòn lợi thế thương mại	30.911.205.752	31.649.669.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.248.318.363	28.228.568.922
Chi phí bằng tiền khác	31.894.024.954	50.146.878.414
<b>Cộng</b>	<b>184.301.698.713</b>	<b>193.290.288.666</b>

**6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty mẹ	422.922.120	2.486.827.806
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các Công ty con	56.101.280.348	52.887.782.496
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>56.524.202.468</b>	<b>55.374.610.302</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,  
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,  
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo  
Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****7. LÃI CƠ BẢN/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>279.625.393.970</b>	<b>322.809.636.372</b>
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	(2.598.671.438)	(3.000.000.000)
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>277.026.722.532</b>	<b>319.809.636.372</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	100.047.686	99.803.866
<b>Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.769</b>	<b>3.204</b>

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022 căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/ALS ngày 24/06/2022.

Trong năm căn cứ Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/ALS ngày 24/06/2022 thông qua phân phối lợi nhuận năm 2021. Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 phù hợp với hướng dẫn tại Chuẩn mực Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu".

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và phát hành cổ phiếu cho người lao động như sau:

	Số báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	<b>322.809.636.372</b>	-	<b>322.809.636.372</b>
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>322.809.636.372</b>	<b>(3.000.000.000)</b>	<b>319.809.636.372</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	90.275.004		99.803.866
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.576</b>		<b>3.204</b>

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số cổ phiếu lưu hành đầu năm	90.730.854	90.730.854
Số cổ phiếu lưu hành từ cổ tức được chia	9.073.012	9.073.012
Số cổ phiếu bình quân phát hành tăng trong năm	243.820	-
<b>Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>100.047.686</b>	<b>99.803.866</b>

**Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:** **22.122.267.823 đồng**  
 - Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 22.122.267.823 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,  
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,  
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo  
Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay phía Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần ALS SDS	Công ty liên kết
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Điều hành Công ty

*Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Bán hàng</b>	<b>108.266.417.577</b>	<b>73.198.077.380</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	44.547.609.792	9.084.560.157
Công ty Cổ phần ALS SDS	63.718.807.785	64.113.517.223
<b>b. Mua hàng</b>	<b>14.649.474.028</b>	<b>12.258.057.494</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	14.649.474.028	11.330.829.051
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	-	927.228.443

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>12.078.778.170</b>	<b>12.064.614.322</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	844.320.504	845.353.783
Công ty Cổ phần ALS SDS	11.234.457.666	11.219.260.539
<b>Phải trả người bán</b>	<b>1.084.110.436</b>	<b>2.364.087.985</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	1.084.110.436	2.364.087.985
<b>Phải thu khác</b>	<b>33.646.495.000</b>	<b>31.546.495.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	33.646.495.000	31.546.495.000
<b>Phải trả khác</b>	<b>82.726.350</b>	<b>82.726.350</b>
Công ty Cổ phần ALS SDS	82.726.350	82.726.350
<b>Chi phí phải trả</b>	<b>54.182.831</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	54.182.831	-

*Thu nhập, thù lao và các khoản phụ cấp của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thù lao, phụ cấp của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	2.170.000.000	2.431.539.264
<b>Cộng</b>	<b>2.170.000.000</b>	<b>2.431.539.264</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG**

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,  
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,  
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo  
Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. THÔNG TIN BỘ PHẬN**

*Lĩnh vực kinh doanh*

Công ty chỉ hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là dịch vụ logistics. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

*Khu vực địa lý*

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyễn Đình Lợi  
Người lập biểu

Ngô Quang Huy  
Kế toán trưởng



Trương Vinh Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2023